

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Gia Khải

2. Bà Phạm Thị Hương

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 2003

Hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

**2. Bị đơn:** Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Đội 2, Phân trại số A, Trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng.

(Chị T, anh N đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Phạm Thị T có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn N, kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh

Thái Bình vào ngày 11/5/2022. Trước khi kết hôn vợ chồng đã chung sống với nhau và có 01 con chung. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh N ở thôn V, xã A. Vợ chồng chỉ hoà thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị chưa tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn, tính tình không hoà hợp. Anh N không tu chí làm ăn, vi phạm pháp luật và phải chấp hành án phạt 02 năm 03 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Từ tháng 11 năm 2022, chị đã đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tổ 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông sinh sống cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

Về con chung: Chị T trình bày, chị và anh Hoàng Văn N có 01 con chung là Hoàng Văn K, sinh ngày 22/02/2022 hiện con chung đang ở cùng chị T. Ly hôn Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị. Lý do Chị T xin nuôi dưỡng con chung vì con chung còn rất nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ; chị và con đang ở cùng bố mẹ đẻ của chị được chăm sóc chu đáo và có nơi ở ổn định; tuy chị chưa đi làm được do phải chăm sóc con nhưng bố mẹ chị vẫn chu cấp cho chị mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng để chị lo cho con. Hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Hoàng Văn N trình bày như sau:*

Về hôn nhân: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Phạm Thị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh ở Thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống được khoảng 20 ngày thì anh bị bắt về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Tháng 9 năm 2022 anh bị Tòa án xét xử và xử phạt mức án 02 năm 03 tháng tù và hiện anh đang chấp hành án tại Trại giam X, huyện T, thành phố H. Nay Chị T có đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Đúng như Chị T trình bày, anh và Chị T có 01 con chung là Hoàng Văn K, sinh ngày 22/02/2022 hiện con chung đang ở cùng chị T. Do con còn nhỏ và anh đang chấp hành án nên anh nhất trí để Chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật Tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các

Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Phạm Thị T và anh Hoàng Văn N là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, con chung. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, hôn nhân của chị Phạm Thị T, anh Hoàng Văn N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 04 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, anh N có hành vi vi phạm pháp luật bị bắt tạm giam và bị Toà án xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Hiện nay, anh N vẫn đang trong thời gian chấp hành án tại Trại giam. Nay Chị T xin ly hôn, anh N cũng nhất trí, cả hai xác định không còn tình cảm với nhau. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần xử cho Chị T và anh N được ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh N đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Văn K, sinh ngày 22/02/2022 hiện con chung đang ở cùng chị T. Ly hôn, Chị T xin nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh N cũng nhất trí với quan điểm của chị T. Xét thấy con chung mới được 18 tháng tuổi, việc ăn ở, sinh hoạt, phụ thuộc hoàn toàn vào việc chăm sóc của chị T, bản thân anh N hiện đang phải chấp hành án nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung. Do đó để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung, Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Hoàng Văn K cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, Chị T tự nguyện không yêu cầu anh N phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên cần ghi nhận. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Hai bên có

quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T và anh Hoàng Văn N được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Văn K, sinh ngày 22/02/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh N phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005828 ngày 10/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Phạm Thị T và anh Hoàng Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã A(nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Phụng**

